

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2021/HS-PT

Ngày 09/12/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chất

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Minh Tân

Bà Vũ Thị Yên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Vững - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 119/2021/TLPT-HS ngày 06 tháng 10 năm 2021 đối với bị cáo Nguyễn Như H, do có kháng cáo của bị cáo và bị hại đối với bản án sơ thẩm số 50/2021/HS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Hải Dương.

- Bị cáo có kháng cáo: Nguyễn Như H, sinh năm 1980 tại xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: Thôn N, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B và bà Tiêu Thị N; có vợ là Dương Thị S và có 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giam từ ngày 03/6/2021 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương. (Có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo:

1. Ông Đoàn Văn H1 – Luật sư Văn phòng luật sư N, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Hải Dương; địa chỉ: Phường A, thành phố H, tỉnh Hải Dương. (Có mặt)

2. Ông Nguyễn Văn T và ông Phạm Văn H2 – Luật sư Công ty luật TNHH C, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: Phố H, phường N, quận T, thành phố Hà Nội. (Luật sư T vắng mặt; luật sư H2 có mặt)

- Bị hại có kháng cáo: Ông Đàm Hải L, sinh năm 1974; nơi ĐKKHKT: Khu 6 phường B, thành phố L, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở hiện nay: Số 24/36 phố C, phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương. (Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Tiêu Văn H3, sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương.(Có mặt)

2. Anh Đào Văn Huy C, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện T, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt)

- *Người làm chứng:*

1. Anh Nguyễn Văn D; sinh năm 1979;

2. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1948;

3. Bà Tiêu Thị N, sinh năm 1952;

Đều có địa chỉ tại: Thôn N, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương.

4. Anh Phạm Hữu B1, sinh năm 1976; địa chỉ: Thành phố C, tỉnh Hải Dương.

5. Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1990; địa chỉ: khu đô thị mới phía tây, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

(Những người làm chứng đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Như H và anh Đàm Hải L có kinh doanh về lĩnh vực vật liệu xây dựng nên quen biết với nhau. Ngày 31/01/2019, H cần vận chuyển một số hàng nhưng không có xe và cũng cần phương tiện đi lại trong một vài ngày tết nên H đã hỏi mượn xe ô tô tải nhãn hiệu THACO OLLIN, sơn màu xanh, biển kiểm soát 99C-081.51 của ông L, hẹn sau Tết Nguyên đán 2019 sẽ trả. Ông L đồng ý giao xe cùng đăng ký xe, đăng kiểm, bảo hiểm cho H. Ngày 04/02/2019, H nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe ô tô trên nên đã điều khiển xe ô tô đến nhà ông Tiêu Văn H3 ở thôn N, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương để bán. Ông H3 kiểm tra số khung, số máy, biển kiểm soát đúng với giấy tờ đăng ký xe và hỏi H về nguồn gốc xe ô tô này thì được H cam kết là xe do H mới mua, đang rút hồ sơ để làm thủ tục sang tên nên ông H3 đồng ý mua xe với giá 250.000.000đ. Ông H3 trả trước 100 triệu đồng, hẹn bị cáo 15 ngày sau rút hồ sơ để sang tên sẽ thanh toán số tiền còn lại là 150 triệu đồng. Khi mua bán xe ô tô nêu trên, H có viết giấy bán xe, ngoài ra còn có anh Nguyễn Văn D ở thôn N, C, huyện T, tỉnh Hải Dương chứng kiến.

Ngày 05/02/2019, H đến nhà ông H3 mượn lại chiếc xe ô tô trên, ông H3 đồng ý và yêu cầu H viết nội dung mượn lại chiếc xe ô tô vào mặt sau của tờ giấy bán xe. Khoảng 10 ngày sau, H mang xe ô tô đến trả và ông H3 đã trả nốt số tiền 150.000.000 đồng. Khoảng cuối tháng 03/2019, ông L đòi lại xe ô tô, H nói dối xe hỏng ắc-quy, lúc thì nói xe để ở nhà ông cậu đang khóa cửa đi vắng không lấy được. Sau nhiều lần đòi không được, ông L đã làm đơn trình báo Cơ quan Công an.

Tại Kết luận định giá số 15/KL-HĐGTS ngày 30/6/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận: Xe ô tô tải loại THACO OLLIN, sơn màu xanh trị giá 230.000.000đ.

Tại bản án sơ thẩm số 50/2021/HS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2021, Tòa án nhân dân huyện T tuyên bố Nguyễn Như H phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản; căn cứ khoản 3 Điều 175, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 BLHS, xử phạt Nguyễn Như H 05 năm 03 tháng tù. Ngoài ra cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự; án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06 tháng 9 năm 2021, bị hại là ông Đàm Hải L kháng cáo về việc bỏ lọt tội phạm đối với ông Tiêu Văn H3 có hành vi cấu kết với Nguyễn Như H chiếm đoạt xe ô tô của ông L. Ngày 07 tháng 9 năm 2021 bị cáo H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Bị cáo H kháng cáo kêu oan. H khai rằng bị cáo mượn xe của ông L để đi lại. Bị cáo nợ tiền ông H3 chưa trả nên sau đó bị ông H3 giữ xe và ép viết giấy bán xe nhưng bị cáo không được nhận bất kỳ khoản tiền bán xe nào từ ông H3. Khi ông L đòi xe, do bị cáo chưa có tiền trả ông H3 để lấy xe ra nên bị cáo bảo với ông L xe bị hỏng ắc quy. Tuy nhiên bị cáo không tự nguyện giao xe cho ông H3 và đã nói rõ với ông H3 xe không phải của bị cáo nhưng ông H3 vẫn giữ xe nên đề nghị HĐXX xem xét lại tội danh, hình phạt của bị cáo. Về giá trị tài sản chiếm đoạt thì bị cáo đã được thông báo kết luận định giá khi làm việc với cơ quan điều tra nhưng bị cáo cho rằng giá trị định giá như vậy là cao.

- Người bào chữa cho bị cáo – luật sư H2 trình bày lời bào chữa: Có dấu hiệu làm sai lệch hồ sơ liên quan đến thời gian VKS ghi lời khai và thời gian bắt bị cáo; cơ quan điều tra không thông báo kết luận định giá cho bị cáo và bị hại; không có căn cứ cho rằng bị cáo đã nhận số tiền 150.000.000đ như ông H3 khai và không có căn cứ chứng minh có việc bị cáo bán xe cho ông H3, đề nghị HĐXX xem xét.

- Người bào chữa cho bị cáo – luật sư H1 trình bày lời bào chữa: Trong hồ sơ vụ án chỉ có căn cứ chứng minh bị cáo nhận của ông H3 100.000.000đ, không có căn cứ chứng minh bị cáo đã nhận số tiền 150.000.000đ nhưng ông H3 đã bán được chiếc xe với giá 245.000.000đ nên ông H3 cần trả số tiền còn lại cho ông L để đảm bảo quyền lợi của bị hại.

- Bị hại ông Đàm Hải L trình bày ông cho bị cáo H mượn xe ô tô để đi lại nhưng khi đòi xe thì bị cáo bảo xe bị hỏng ắc quy, xe để ở nhà ông cậu khóa cửa và đến nay không trả xe. Sau nhiều lần đòi xe thì ông L biết xe để ở nhà ông H3, lần đầu đến nhà ông H3 thì ông L thấy xe ô tô vẫn còn ở đó nhưng lần sau đến thì không thấy xe. Ông L kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm bỏ lọt hành vi của ông H3 cấu kết với H để chiếm đoạt tài sản của ông L vì thời điểm ông H3 bán xe ô tô thì đã biết xe không phải của H nhưng vẫn cố tình bán. Tuy nhiên

ông L không có chứng cứ chứng minh. Ông L đã được thông báo kết quả định giá khi làm việc với cơ quan điều tra nhưng ông cho rằng giá trị định giá như vậy là thấp. Do không thu hồi được chiếc xe ô tô nên ông L còn bị thiệt hại về mất thu nhập từ chiếc xe nhưng ông L sẽ yêu cầu trong vụ án khác.

- Người có quyền lợi liên quan – ông Tiêu Văn H3 trình bày bị cáo H là người gạ ông H3 mua xe. Bị cáo cam kết xe ô tô là của bị cáo và đang làm giấy tờ, hai bên thỏa thuận giá mua bán là 250.000.000đ bao gồm cả thủ tục sang tên cho ông H3. Do H bảo hôm sau có việc mượn lại xe nên ông H3 trả trước 100.000.000đ, đến khi H mang xe đến trả thì ông H3 trả nốt 150.000.000đ. Ông H3 xác định việc H bán xe là tự nguyện, không có việc ông H3 giữ xe và ép H viết giấy bán xe. Sau đó ông H3 đã bán xe cho anh C với giá 245.000.000đ nhưng thời điểm bán ông H3 không biết xe ô tô là của ông L. Ông H3 không đồng ý yêu cầu của người bào chữa về việc ông phải trả cho ông L số tiền 145.000.000đ vì ông đã trả đủ 250.000.000đ cho H, đề nghị HĐXX xem xét.

- Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương: Sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, xác định cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Như H về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo khoản 3 Điều 175 BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật. Cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ, xử phạt H 05 năm 03 tháng tù là phù hợp. Bị cáo kháng cáo toàn bộ bản án nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận. Đối với hành vi của ông H3 bán xe cho anh C chưa có tài liệu chứng minh, cơ quan điều tra đã tách hành vi này ra để điều tra, xử lý sau là đúng nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị hại. Trong hồ sơ có tài liệu thể hiện cơ quan điều tra đã thông báo kết luận định giá cho bị cáo, bị hại; quá trình bắt bị cáo thì VKS có thể phối hợp để lấy lời khai luôn nên không có sự mâu thuẫn về thời gian; tài sản bị cáo chiếm đoạt trong vụ án này phải xác định là chiếc xe ô tô và bị cáo đã nhận tiền bán xe tổng 250.000.000đ. Do đó kháng cáo của bị cáo, bị hại và những nội dung người bào chữa đưa ra đều không có cơ sở nên đề nghị HĐXX căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 BLTTHS, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bị cáo và bị hại phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

- Kháng cáo của bị cáo và bị hại trong thời hạn quy định tại Điều 333 BLTTHS nên hợp lệ và được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Người bào chữa cho rằng có sự mâu thuẫn về thời gian giữa các biên bản lấy lời khai của VKS và biên bản bắt người nhưng thấy rằng đây là công tác phối hợp trong quá trình giải quyết vụ việc giữa các cơ quan tiến hành tố tụng và

nội dung này không ảnh hưởng đến bản chất của vụ án. Về việc thông báo kết luận định giá tài sản thì tại phiên tòa bị cáo và bị hại đều trình bày khi làm việc với cơ quan điều tra đã được thông báo kết luận định giá là đúng quy định pháp luật. Bị cáo, bị hại cho rằng giá trị tài sản định giá không đúng với giá trị thực tế của tài sản nhưng không đưa ra chứng cứ chứng minh và không có yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét.

Về nội dung:

[1] Xét kháng cáo của bị cáo về tội danh thì thấy:

[1.1] Về hành vi: Cuối tháng 01/2019 ông L cho H mượn xe ô tô tải nhãn hiệu THACO OLLIN để đi lại, sau đó H giao xe cho ông H3. Ban đầu H khai rằng bị cáo không bán xe cho ông H3 mà bị ông H3 giữ xe để ép nợ, bị cáo không viết giấy bán xe, cầm cố xe hay bất kỳ giấy tờ gì liên quan đến chiếc xe. Sau đó H thừa nhận bản thân có viết và ký giấy bán xe, tự nguyện giao xe cho ông H3 nhưng không phải thật sự bán xe mà mục đích là để ông H3 không giục nợ. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay H khai ông H3 giữ xe và ép bị cáo viết giấy bán xe, bị cáo không được nhận bất kỳ khoản tiền bán xe nào; khi ông L đòi xe do H chưa có tiền trả ông H3 để lấy xe ra nên H gian dối là xe bị hỏng ắc quy. Về phía ông H3 xác định H cam đoan với ông H3 xe ô tô là của H, đang làm thủ tục sang tên, nếu ông H3 muốn mua thì H bán, hai bên thỏa thuận và thống nhất giá bán là 250.000.000đ, ông H3 đã giao tiền và H đã giao xe. Ông H3 cung cấp 01 Giấy bán xe giữa ông H3 và H, qua giám định giấy bán xe kết luận chữ viết, chữ ký (trừ dòng chữ “Tôi đã nhận tiếp 150.000.000đ một trăm năm mươi triệu đồng”) là của H. Nội dung giấy thể hiện ngày 04/02/2019 H bán cho ông H3 xe ô tô biển số 99C-08151 (có đầy đủ thông tin số khung, số máy, màu xe, nhãn hiệu) và nhận 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), H cam đoan xe là của H và hẹn 15 ngày sau mang giấy tờ sang tên cho ông H3; ngày 05/02/2019 H mượn lại xe của ông H3 và cam đoan nếu sai sẽ bồi thường 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Việc ngày 05/02/2019 H mượn lại xe của ông H3 cũng chứng minh ngày 04/02/2019 H đã bán xe và giao xe cho ông H3. Người làm chứng là anh D khai rằng ngày 04/02/2019 anh D đến làm sơn nhà ông H3, khi nghỉ giải lao xuống dưới nhà uống nước thì anh D có nghe H nói muốn bán xe cho ông H3, giá khoảng 200.000.000đ; anh D không thấy H và ông H3 cãi nhau, to tiếng hay đánh nhau mà vẫn cười nói vui vẻ. Bản thân bị cáo H là người trưởng thành, có đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, không có chứng cứ cho rằng việc H viết giấy bán xe, giao xe cho ông H3 là bị lừa dối, ép buộc. Lời khai của ông H3 cơ bản phù hợp với giấy bán xe, phù hợp với lời khai của người làm chứng, thể hiện nội dung thống nhất là có việc H bán xe ô tô cho ông H3 và H đã tự nguyện giao xe. Từ những phân tích trên cùng những tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận về hành vi của H như sau: Ngày 31/01/2019, tại nhà ông Đàm Hải L ở số 24/35 đường C, phường B, thành

phố H, tỉnh Hải Dương, Nguyễn Như H đã mượn 01 chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu THACO OLLIN, sơn màu xanh, biển kiểm soát 99C-081.51 trị giá 230.000.000 đồng của ông L để đi lại. Ngày 04/02/2019 H gian dối ông Tiêu Văn H3 xe ô tô là của H, đang làm thủ tục sang tên và bán xe cho ông H3. Khi ông L đòi xe thì H gian dối là xe bị hỏng ắc quy, xe để ở nhà ông cậu khóa cửa vắng nhà không lấy được và không trả xe cho ông L.

[1.2] Về ý thức chủ quan: Bị cáo không phải chủ sở hữu của chiếc xe ô tô nên không có quyền chiếm hữu, định đoạt đối với tài sản; bản thân bị cáo cũng thừa nhận ông L chỉ cho bị cáo mượn xe để đi lại, không cho mượn xe để bán hoặc cầm cầm nhưng sau khi mượn xe bị cáo nảy sinh ý thức chiếm đoạt xe ô tô của ông L bằng việc nói dối xe của bị cáo đang làm thủ tục sang tên để bán xe cho ông H3. Khi ông L nhiều lần đòi xe, bị cáo vẫn còn gian dối rằng xe bị hỏng ắc quy, xe để ở nhà cậu đóng cửa không lấy được và từ đó đến nay không trả xe cho ông L. Từ những hành vi này thể hiện về mặt chủ quan thì sau khi mượn xe ô tô của ông L bị cáo có ý thức chiếm đoạt chiếc xe; giá trị xe ô tô tại thời điểm tháng 02/2019 được định giá là 230.000.000đ nên hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự. Tòa án nhân dân huyện T xét xử bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Kháng cáo của bị cáo không có căn cứ nên không chấp nhận.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo về hình phạt thì thấy: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng. Bị cáo đã tự nguyện bồi thường một phần cho bị hại; bị cáo có bố đẻ được tặng thưởng huân huy chương nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS. Tại phiên tòa bị cáo khai báo chưa thật sự thành khẩn, tuy nhiên HĐXX vẫn xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS nhưng ở mức độ nhất định. Cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ, xử phạt H 05 năm 03 tháng tù là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm người bào chữa cung cấp tài liệu bị cáo được tặng thưởng danh hiệu chiến sĩ giỏi nhưng theo quy định đây không phải tình tiết giảm nhẹ, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào khác. Thấy rằng mức hình phạt 05 năm 03 tháng tù như cấp sơ thẩm quyết định là đã tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo, y án sơ thẩm về hình phạt.

[3] Xét kháng cáo của bị hại: Ông L kháng cáo, cho rằng ông H3 đã cấu kết với bị cáo H để chiếm đoạt xe ô tô của ông L. Tuy nhiên từ khi điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm và đến nay tại phiên tòa phúc thẩm không có bất kỳ tình tiết nào nào thể hiện có việc ông H3 và H bàn bạc, cấu kết với nhau; bản thân ông L cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh ông H3 và H có sự cấu kết cùng chiếm đoạt hoặc ăn chia tiền chiếm đoạt với nhau. Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị hại về việc xác định ông H3 là đồng phạm của H.

Tại phiên tòa bị hại trình bày khi ông H3 bán xe cho anh C thì ông H3 đã biết xe ô tô không phải của H mà là của ông L nhưng vẫn cố tình bán. Đối với nội dung này do chưa có đủ tài liệu, chứng cứ để xác định khi bán xe cho anh C, ông H3 đã biết xe này là của ông L, cơ quan điều tra đã tách hành vi này của ông H3 để tiếp tục xác minh làm rõ, nếu có căn cứ sẽ xử lý sau nên trong giới hạn xét xử, HĐXX không xem xét trong vụ án này.

[4] Người bào chữa cho bị cáo - luật sư H1 cho rằng không có căn cứ thể hiện ông H3 đã trả cho bị cáo số tiền 150.000.000đ nhưng ông H3 đã bán lại chiếc xe ô tô cho anh C được 245.000.000đ nên ông H3 cần trả cho bị hại số tiền 150.000.000đ để đảm bảo quyền lợi cho bị hại. Đối với nội dung này thấy rằng: Tài sản chiếm đoạt trong vụ án là chiếc xe ô tô đã được định giá 230.000.000đ; hiện nay chiếc xe chưa thu giữ được nhưng tại cấp sơ thẩm bị cáo trình bày tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 250.000.000đ là đã đảm bảo quyền lợi của bị hại. Trường hợp thu giữ được chiếc xe ô tô thì số tiền 245.000.000đ sẽ được xem xét trong giao dịch dân sự giữa ông H3 và anh C, ông H3 không có trách nhiệm trả tiền cho ông L. Do đó không chấp nhận đề nghị này của người bào chữa.

[5] **Về án phí phúc thẩm:** Bị cáo kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; bị hại không phải chịu án phí phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Như H và kháng cáo của bị hại Đàm Hải L; giữ nguyên bản án sơ thẩm số 50/2021/HS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Hải Dương.

- Về điều luật: Áp dụng khoản 3 Điều 175, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự.

- Về tội danh: Tuyên bố Nguyễn Như H phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Về hình phạt: Xử phạt Nguyễn Như H 05 (Năm) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 03/6/2021.

2. Về án phí phúc thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Buộc bị cáo Nguyễn Như H phải chịu **200.000đ** (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

- Bị hại Đàm Hải L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 09/12/2021.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Phòng HSNV-CA tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Trại tạm giam – CA tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện T (2 bản);
- VKSND huyện T;
- CQCSĐT-CA huyện T;
- CQTHAHS-CA tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS huyện T;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi liên quan;
- Lưu hồ sơ, Tòa Hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Văn Chất